TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HS-ST
Ngày 22-7-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Quang Sáng.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Bích Huề.**

Ông **Hoàng Văn Khoa.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Bùi Thị Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông **Lương Xuân Toản** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2021/HSST ngày 27 tháng 5 năm 2021; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/HSST-QĐ ngay 08-7-2021 đối với các bị cáo:

1. Đặng Quốc T, sinh ngày 12/6/1985, tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Trú quán tại: Tổ dân phố số X, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Tạm trú tại: Tổ dân phố số X, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đặng Quốc V, sinh năm 1960, con bà Trần Thị N, sinh năm 1963; Có vợ là Đinh Thị L2, sinh năm 1992, bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự. Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2020 đến ngày 27/4/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang Bảo lĩnh, hiện đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thành Tr, sinh ngày 20/11/1989, tại thành phố Y, tỉnh Y.

Tạm trú tại: Số nhà Y, đường P, phường N, thành phố Y, tỉnh Y.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963, con bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1965; Vợ, con chưa có;

Tiền án, tiền sự. Không.

Về nhân thân: Năm 2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích theo bản án hình sự phúc thẩm số 67 ngày 13/12/2013. Nguyễn Thành Tr đã chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích. Năm 2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích

theo bản án hình sự phúc thẩm số 51 ngày 30/11/2017. Nguyễn Thành Tr đã chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1973. Có mặt
Trú quán tại: Tổ dân phố số X, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Tiến D. Vắng mặt
Trú tại: Tổ X, phường M, thành phố Y tỉnh Y.

+ Chị Đinh Thị L sinh năm 1992. Có mặt
Trú quán tại: Tổ dân phố số X, thị trấn M, huyện V, tỉnh Y.

+ Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1965. Có mặt
Nơi ĐKNKTT tại: Số nhà Y, đường P, phường N, thành phố Y, tỉnh Y.

- Những người làm chứng:

+ Anh Đặng Hoàng L1, sinh năm 1987. Vắng mặt
Trú tại: Tổ dân phố số X, thị trấn M, huyện V, tỉnh Y.

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1950. Vắng mặt
Trú tại: Tổ dân phố số X, thị trấn M, huyện V, tỉnh Y.

+ Chị Lê Thị X, sinh năm 1966. Vắng mặt
Trú tại: Tổ dân phố số X, thị trấn M, huyện V, tỉnh Y.

NỘI D1 VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nôi D1 vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng giữa năm 2017 anh Nguyễn Ngọc H có vay của Đặng Quốc T số tiền 30.000.000đ. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và lãi suất thỏa thuận bằng miệng như anh H khai là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Sau đó anh H đã nhiều lần trả tiền lãi cho T nhưng chưa trả tiền gốc. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 01/12/2020 anh H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RS biển kiểm soát 21V7-6758 đi đến quán Đ ở tổ dân phố số X, thị trấn M, huyện V để ăn sáng. Chiếc xe mô tô H đi là của anh Nguyễn Tiến D (em trai anh H) cho anh H mượn làm phương tiện đi lại. Khi anh H đang ngồi ăn sáng thì T cũng đến quán ăn sáng, T nhìn thấy anh H nhưng không nhớ chính xác có phải anh H là người vay tiền của mình chưa trả không nên đã nhắn tin cho Nguyễn Thành Tr đến quán với mục đích nhận diện và hỗ trợ T đòi tiền anh H. Sau khi ăn sáng xong, T ra bàn ngồi uống nước, anh H chủ động ra gặp T để nói chuyện, xin khất nợ nhưng T không đồng ý. Lúc đó Tr đến và ngồi cạnh T. Sau khi nghe anh H nói chưa có tiền trả nợ thì T lấy 01 chiếc dép tông của Tr đánh liên tiếp vào mặt anh H. Khi mọi người vào can ngăn thì T không đánh anh H nữa. T yêu cầu anh H sang quán nước đối diện với quán ăn sáng, phía bên kia đường để tiếp tục nói chuyện. Tr mang xe của anh H từ quán ăn sang quán nước. Đến quán nước T có gọi thêm Đặng Hoàng L1, sinh năm 1987 đến để hỗ trợ T đòi nợ, L1 đến gặp T nhưng không nói gì rồi đi luôn. Tại quán nước anh H tiếp tục xin khất nợ, T không đồng ý mà yêu cầu trả ngay số tiền đã vay. Trong lúc nói chuyện T hỏi anh H đi bằng phương tiện gì và sờ vào túi áo khoác của anh H thì thấy có chìa

khóa xe nên T yêu cầu anh H lấy chìa khóa ra để lên bàn. Sau đó T bắt anh H gọi điện về cho gia đình lấy tiền trả nợ nhưng không ai có tiền nên T bực tức rồi dùng tay phải đánh vào miệng anh H làm môi anh H chảy máu. Mu bàn tay của T đập vào răng anh H nên cũng bị sứt da. Sau đó T yêu cầu anh H để lại chiếc xe mô tô để trừ nợ. T kiểm tra trong cốp xe thấy có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Đức H. Anh H có nói đó là xe anh mượn, xin T không giữ xe để anh làm phương tiện đi lại. T không đồng ý, T tiếp tục chửi anh H, nói với dọng đe dọa như *"thịt người tanh lắm không ăn được, hôm nay tao ăn cho mày xem"*...T lấy chiếc điếu hút thuốc lào, rút bỏ nõ, đổ nước trong điếu ra rồi cầm tay nhấc lên đặt xuống với mục đích đe dọa anh H. Tr cũng có lời lẽ phụ họa cùng với T. Do đang nợ tiền, lo sợ sẽ bị T và Tr đánh nên anh H không phản ứng gì và chấp nhận để lại chiếc xe mô tô và viết giấy nhận nợ theo yêu cầu của T. Tr đi lấy giấy, bút cho anh H viết. Sau đó T và Tr đọc cho anh H viết. Anh H viết hai lần nhưng không đúng ý của T nên T yêu cầu anh H về văn phòng taxi Yên Bái chi nhánh tại V cách quán nước khoảng 500m để tiếp tục giải quyết. T bảo Tr đi cùng anh H nên Tr điều khiển xe mô tô của anh H chở anh H về văn phòng công ty taxi còn T đi ô tô theo sau. Tại văn phòng T chốt nợ với anh H là 40.000.000đ, trong đó tiền gốc là 30.000.000đ tiền lãi là 10.000.000đ. T tự định giá chiếc xe mô tô của anh H trị giá 7.000.000đ rồi bảo anh H viết giấy với nội D1 "Nợ Đặng Quốc T 40.000.000đ, để lại chiếc xe máy trị giá 7.000.000đ để thanh toán trước, số tiền còn lại 33.000.000đ sẽ thanh toán làm 2 đợt (đợt 1 hạn đến 30/12/2020 sẽ thanh toán 20.000.000đ, đợt 2 hạn đến 30/01/2021 sẽ thanh toán nốt 13.000.000đ). Sau khi anh H viết xong giấy nhận nợ, T cầm giấy và chìa khóa, đăng ký xe mô tô của anh H đưa cho L1 bảo cất đi. Tr và L1 cất chiếc xe mô tô của anh H vào kho của công ty. Sau đó anh H đã đến Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Yên Bái trình báo sự việc. Quá trình điều tra T và Tr đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên. Sau đó chị L1 vợ T, bà D1 mẹ Tr đã bồi thường cho anh H số tiền 20.000.000đ, trong đó của bà D1 là 5.000.000đ, của chị L1 là 15.000.000đ.

Quá trình điều tra anh Nguyễn Ngọc H đã khai toàn bộ nội D1 đã nêu ở trên. Anh H đã nhận số tiền 20.000.000đ mà gia đình T và gia đình Tr bồi thường. Nay anh H không có yêu cầu bồi thường thêm gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho cả T và Tr.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 215 ngày 05/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Yên Bái kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát 21V7-6758 trị giá 6.933.000đ.

Quá trình điều tra Đặng Hoàng L1 khai: L1 được T gọi đến để hỗ trợ T đòi nợ nhưng L1 không biết đòi nợ ai, L1 không quen biết anh H. Tại quán nước và văn phòng công ty taxi L1 chứng kiến việc T và Tr đe dọa rồi đánh anh H, L1 chứng kiến việc anh H viết giấy nhận nợ nhưng L1 không tham gia vào việc này, L1 không có lời nói hay hành động gì đe dọa anh H, L1 cũng không hỗ trợ hay giúp sức gì cho T và Tr chiếm đoạt chiếc xe của anh H.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS-P2 ngày 26/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đã truy tố Đặng Quốc T và Nguyễn Thành Tr về tội Cướp tài sản theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giữ nguyên quyết định truy tố; qua phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đặng Quốc T, Nguyễn Thành Tr phạm tội Cướp tài sản. Đối với Đặng Quốc T áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điều 17; 58; 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Quốc T 3 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với Nguyễn Thành Tr áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điều 17; 58; khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt. Về trách nhiệm dân sự do anh H không yêu cầu nên không xem xét. Đồng thời đề nghị xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, các bị cáo không có tranh luận gì chỉ đề nghị xem xét xử phạt ở mức thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa người bị hại trình bày toàn bộ nội D1 vụ án như đã nêu ở trên, anh H không có tranh luận gì và cho rằng nguyên nhân mà T, Tr phạm tội là do anh H vay tiền chưa trả nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D1 vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái và Viện kiểm sát nhân dân Văn Yên: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp bản kiểm điểm, các bản khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của anh H, anh L1 và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Xuất phát từ việc anh H vay nợ T số tiền 30.000.000đ từ năm 2017 đến cuối năm 2020 vẫn chưa trả nên khoảng 8 giờ ngày 01/12/2020 Đặng Quốc T gặp anh H tại quán ăn sáng Đức Thủy và tại quán nước ở tổ dân phố số 8, thị trấn M, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. T đòi tiền anh H nhưng anh H không có tiền trả nên T dùng dép tông đánh nhiều phát vào mặt anh H, dùng lời lẽ chửi, đe dọa anh H, dùng tay tát vào miệng anh H. Tiếp đó tại văn phòng công ty taxi chi nhánh Văn Yên T cầm ông điếu hút thuốc lào đe dọa anh H rồi yêu cầu anh H viết giấy nhận nợ và buộc anh H pH giao chiếc xe mô tô Honda Wave RS biển kiểm soát 21V7-6758 có giá trị 6.933.000đ cho T. Trong quá trình T đánh, đe dọa rồi đánh anh H thì T có gọi Nguyễn Thành Tr đến cùng T uy hiếp anh H, Tr đã làm theo lệnh của T như đưa xe của anh H từ quán ăn sáng đến quán nước, về văn phòng công ty, lấy giấy bút đọc

cho anh H viết giấy nhận nợ, cất xe vào kho của công ty. Do bị T đánh nhiều lần rồi T, Tr đe dọa đánh, uy hiếm tinh thần nên buộc anh H pH làm theo yêu cầu của T và Tr. Hành vi nêu trên của Đặng Quốc T và Nguyễn Thành Tr đã phạm vào tội Cướp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự. Như vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đã truy tố đối với các bị cáo Đặng Quốc T, Nguyễn Thành Tr là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội mà các bị cáo T, Tr thực hiện thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, hành vi đó là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, quyền về tài sản của anh H; gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần thiết pH xử lý nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và là bài học để cảnh tỉnh, phòng ngừa chung.

Các bị cáo Đặng Quốc T và Nguyễn Thành Tr đồng phạm về hành vi chiếm đoạt tài sản của anh H nhưng không có sự bàn bạc, thống nhất, phân công công việc từ trước nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Mỗi bị cáo có vai trò khác nhau nên pH chịu trách nhiệm hình sự về vài trò và hành vi mà mình thực hiện. Việc xem xét quyết định hình phạt đối với từng bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, xét nhân thân các bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết việc xâm phạm sức khỏe, tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì sự bực tức khi anh H không trả số tiền đã vay nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo T giữ vai trò chính trong vụ án, là người trực tiếp đánh, đe dọa anh H để chiếm đoạt chiếc xe của anh H nên là người thực hành tích cực nhất. Vì vậy, cần pH xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có xem xét, bị cáo là người có nhân thân tốt; nhất thời phạm tội; nguyên nhân bị cáo phạm tội là xuất phát từ việc người bị hại vay tiền nhiều năm không trả; sau khi phạm tội tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường cho người bị hại 15.000.000đ và xóa số tiền 30.000.000đ anh H đang nợ bị cáo. Bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T; T có bố đẻ ông Đặng Quốc Viện là người có thành tích trong quân đội nhân dân Việt Nam được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, Bằng khen của Bộ quốc phòng. Nên bị cáo Đặng Quốc T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do T có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên xử phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt và áp dụng chế định của Điều 65 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với Đặng Quốc T, để tạo cơ hội cho T sửa chữa sai lầm và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với những người biết hối lỗi.

Đối với Nguyễn Thành Tr là nhân viên làm tH1 cho T, Tr biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng Tr vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội theo chỉ đạo của T. Bị cáo Nguyễn Thành Tr là người có nhân thân xấu, bản thân Tr đã 2 lần bị kết án, lần thứ nhất bị xử phạt 2 năm tù theo Bản án hình sự phúc thẩm số 67 ngày 13/12/2013, lần thứ hai bị xử phạt 1 năm 6 tháng tù theo Bản án hình sự phúc thẩm số 51 ngày 30/11/2017 cùng của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái và

cùng về tội Cố ý gây thương tích. Tính đến ngày 01/12/2020 Tr đã chấp hành xong các bản án nêu trên, đã được xóa án tích nên không bị coi là có tiền án. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có xem xét Tr chỉ thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo của T nên Tr là người giúp sức cho T thực hiện hành vi phạm tội. Bản thân bị cáo Tr cũng không trực tiếp đánh anh H, Tr không được hưởng lợi từ hành vi chiếm đoạt tài sản của anh H. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Quá trình điều tra đã tác động đến gia đình để bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000đ. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Tr. Nên Nguyễn Thành Tr được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có vai trò giúp sức và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên áp dụng chế định quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với Nguyễn Thành Tr, để phạt bị cáo với mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo T, Tr không có việc làm, thu nhập ổn định; bị cáo Tr là người giúp sức, không được lợi từ hành vi phạm tội, hiện sống phụ thuộc vào gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo T và Tr.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị LA (vợ bị cáo T), bà D1 (mẹ bị cáo Tr) đã bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc H số tiền 20.000.000đ theo yêu cầu của các bị cáo. Mặt khác bị cáo Đặng Quốc T đã nhất trí xóa khoản nợ 30.000.000đ cho anh H. Nay anh H không yêu cầu các bị cáo pH bồi thường thêm gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với hành vi Đặng Quốc T cho anh Nguyễn Ngọc H vay số tiền 30.000.000đ theo lời khai của anh H là thỏa thuận lãi suất 5.000đ/1 triệu/ 1 ngày, từ năm 2017 đến năm 2020 anh H đã trả cho T tổng cộng khoảng 70.000.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, anh H không có chứng cứ để chứng minh khoản tiền lãi đã trả cho T. Còn Đặng Quốc T khai chỉ nhận được của anh H từ 5 đến 6 triệu đồng tiền lãi. Quá trình điều tra cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh hành vi cho vay lãi nặng của Đặng Quốc T nên không đủ căn cứ xử lý Đặng Quốc T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Đối với hành vi T dùng dép, dùng tay đánh anh H nhưng anh H không bị thương tích nhẹ nên không đủ căn cứ để xem xét về hành vi cố ý gây thương tích trong vụ án này.

Đối với Đặng Hoàng L1 là người được T gọi ra để hỗ trợ T khi T nói chuyện với anh H nhưng T không nói cho L1 biết mục đích của T và Tr. Tại quán nước và văn phòng công ty taxi khi T và Tr đánh, đe dọa đánh anh H để lấy chiếc xe mô tô của anh H thì L1 không tham gia gì, L1 không có lời nói hay hành động gì giúp sức cho T và Tr tác động đến anh H. Vì vậy, không đủ căn cứ xác định Đặng Hoàng L1 đồng phạm với T và Tr trong vụ án này nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS biểm kiểm soát 21V7-6758 và 01 đăng ký xe mô tô số 035463 mang tên Nguyễn Đức H đây là xe của anh Nguyễn

Tiến D cho anh H mượn nên trả lại cho anh D theo khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 USB, vỏ màu trắng, có chữ 8GB; 02 quyển sổ bìa màu đen bên trong có chữ và số tự nhiên và 01 quyển vở bìa màu xanh không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, vỏ màu vàng đồng, lắp sim số 0989.661.518 thu giữ của Đặng Quốc T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus vỏ màu xám trắng, lắp sim số 0333.042.668 thu giữ của Nguyễn Thành Tr. Đây là phương tiện mà T dùng liên lạc, nhắn tin cho Tr để Tr ra cùng T thực hiện hành vi cướp tài sản của anh H nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Do bị cáo phạm tội và bị xử phạt nên bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại, người liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Đặng Quốc T, Nguyễn Thành Tr** phạm tội "Cướp tài sản".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Đối với Đặng Quốc T: Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Quốc T 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đặng Quốc T cho Uỷ ban nhân dân thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự và trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Đối với Nguyễn Thành Tr: Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Tr 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 04/12/2020.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a,c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho anh Nguyễn Tiến D: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS biểm kiểm soát 21V7-6758 và 01 đăng ký xe mô tô số 035463 mang tên Nguyễn Đức H.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, vỏ màu vàng đồng, lắp sim số 0989.661.518; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus vỏ màu xám trắng, lắp sim số 0333.042.668.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 USB, vỏ màu trắng, có chữ 8GB; 02 quyển sổ bìa màu đen bên trong có chữ và số tự nhiên và 01 quyển vở bìa màu xanh.

(Các vật chứng nêu trên được mô tả theo Biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 16/6/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái).

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân thường vụ Quốc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc Đặng Quốc T và Nguyễn Thành Tr mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6 ,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Phòng PC 02 Công an tỉnh Yên Bái;
- VKS, Công an, THA huyện Văn Yên;
- Trại tạm giam, BC Tr (02);
- Bị cáo T;
- Bị hại;
- Những người liên quan (03);
- Lưu HSơ, Tập án,THA (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quang Sáng